

Số: 437/BC-TCKH

Thanh Miện, ngày 26 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO
CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH DỰ TOÁN THU, CHI NSNN HAI
CẤP NĂM 2022 VÀ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
(Dự toán đã được HĐND huyện khoá XX thông qua)

Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện báo cáo công khai kết quả thực hiện dự toán thu, chi NSNN hai cấp năm 2022 và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023, cụ thể như sau:

I-KẾT QUẢ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

1. Thu ngân sách

1.1. Thu ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TÍNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC THU NĂM 2022	ĐẠT TỶ LỆ (%)		
					SO VỚI TÍNH GIAO	SO VỚI HUYỆN GIAO	SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2021
	TỔNG THU	310.750	310.750	431.848	139,0	139,0	76,2
	TỔNG THU NSNN TRỪ TIỀN ĐẤT	60.750	60.750	96.848	159,4	159,4	99,6
1	Thu khu vực DNNN	200	200	850	425,0	425,0	131,0
2	Thu ngoài quốc doanh	15.200	15.200	31.580	207,8	207,8	83,9
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.280	2.280	5.990	262,7	262,7	
	- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)	12.920	12.920	25.590	198,1	198,1	
3	Lệ phí trước bạ	20.000	20.000	28.300	141,5	141,5	99,8
	- Trước bạ nhà đất	1.400	1.400	3.250	232,1	232,1	
	- Trước bạ tài sản	18.600	18.600	25.050	134,7	134,7	
4	Thuế sử dụng đất phi NN	900	900	1.555	172,8	172,8	185,3
5	Thuế bảo vệ môi trường		0	380			
6	Thu phí và Lệ phí	2.350	2.350	2.350	100,0	100,0	93,8
	- Phí, Lệ phí thông thường	1.465	1.465	1.465	100,0	100,0	
	- Lệ phí môn bài	885	885	885	100,0	100,0	
7	Thuế Thu nhập cá nhân	5.500	5.500	9.952	180,9	180,9	104,1
8	Thu tiền sử dụng đất	250.000	250.000	335.000	134,0	134,0	71,4
	- Thu tiền đất dự án KDC	48.000	48.000	9.992	20,8	20,8	
	- Thu tiền sử dụng đất ở nông thôn	200.000	200.000	323.614	166,5	166,5	
	- Thu tiền đất dôi dư	2.000	2.000	1.394	69,7	69,7	
9	Thu tiền thuê đất	800	800	1.142	142,8	142,8	9,8
10	Thu khác NS (phạt, tịch thu, khác)	14.000	14.000	15.314	109,4	109,4	132,1
11	Thu tại xã (HLCs; quỹ đất công ích)	1.800	1.800	5.425	301,4	301,4	83,5

1.2. Thu ngân sách xã

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TÍNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC THU NĂM 2022	ĐẠT TỶ LỆ (%)	
					SO VỚI TÍNH GIAO	SO VỚI HUYỆN GIAO
	TỔNG THU (A+B)	50.764	50.764	90.170	177,6	177,6
A	CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI CHI TX	8.764	8.764	17.520	199,9	199,9
I	CÁC KHOẢN THU DO XÃ, TT THU	1.800	1.800	2.000	111,1	111,1
1	Thu từ quỹ đất công ích và HLCS	1.800	1.800	2.000	111,1	111,1
II	THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ %	6.964	6.964	15.520	222,9	222,9
1	Phí - Lệ phí thông thường (100%)	690	690	690	100,0	100,0
2	Thuê đất phi nông nghiệp (100%)	861	861	1.465	170,2	170,2
3	Lệ phí môn bài hộ KD (100%)	380	380	974	256,3	256,3
4	Thuế TNCN (xã 80%, TT 50%)	861	861	1.573	182,7	182,7
5	Thuế GTGT (xã 80%, TT 50%)	1.722	1.722	2.554	148,3	148,3
6	Lệ phí trước bạ nhà đất (100%)	1.400	1.400	3.154	225,3	225,3
7	Thu khác ngân sách	1.050	1.050	5.110	486,7	486,7
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	42.000	42.000	72.650	173,0	173,0
1	Thu tiền SD đất (20%)	40.000	40.000	71.256	178,1	178,1
2	Đất dôi dư (100%)	2.000	2.000	1.394	69,7	69,7

2. Chi ngân sách hai cấp năm 2022

2.1. Chi ngân sách huyện

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU CHI	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI KẾ HOẠCH
	TỔNG CỘNG	537.240	563.839	105,0
A	CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	185.973	202.321	108,8
I	Từ nguồn vốn KH đầu tư công năm 2022	185.973	147.357	79,2
1	Nguồn vốn đầu tư XD CB tập trung	17.973	17.973	100,0
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	168.000	129.384	77,0
II	Từ các nguồn vốn khác	-	54.964	
1	Nguồn DT NSH năm 2022 (hỗ trợ chi ĐT)		5.975	
2	Nguồn chuyển nguồn năm 2021 sang		48.989	
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	341.553	351.804	103,0
I	Sự nghiệp kiến thiết Kinh tế	15.546	18.493	119,0
1	Sự nghiệp Giao thông	2.080	2.080	100,0
2	Sự nghiệp Nông nghiệp và PCLB	6.185	6.170	99,8
	- Sự nghiệp Nông nghiệp	4.555	4.555	100,0
	- Phòng chống lụt bão	190	190	100,0
	- Làm thủy lợi Đông Xuân 2021-2022	990	975	98,5
	- Kinh phí Đề án cây máy	299	299	100,0

TT	CHỈ TIÊU CHI	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI KẾ HOẠCH
	- Hỗ trợ sản phẩm DV công ích thủy lợi, DT ngoài lưu vực do địa phương thực hiện	151	151	100,0
3	SN Kinh tế, Kiến thiết thị chính, Môi trường	7.281	10.243	140,7
	- Sự nghiệp Môi trường	258	258	100,0
	- Sự nghiệp Kiến thiết thị chính	1.036	1.036	100,0
	- Chi phí đầu giá QSD đất	758	758	100,0
	- Chi phí quy hoạch, đo đạc, kế hoạch sd đất	40	3.100	7.750,5
	- Sự nghiệp Kinh tế khác	5.190	5.091	98,1
II	Sự nghiệp Văn - Xã	283.635	297.608	104,9
1	Sự nghiệp Giáo dục	238.993	238.993	100,0
2	Sự nghiệp Đào tạo	2.143	2.143	100,0
3	Sự nghiệp văn hóa, TDTT	2.162	2.162	100,0
	- Sự nghiệp văn hoá	1.116	1.116	100,0
	- Sự nghiệp TDTT	1.046	1.046	100,0
4	Sự nghiệp phát thanh	1.399	1.399	100,0
5	Chi đảm bảo xã hội	38.587	52.560	136,2
6	Sự nghiệp y tế	351	351	100,0
III	Chi quản lý hành chính	30.918	30.918	100,0
1	Quản lý Nhà nước và HĐND	16.510	16.510	100,0
2	Kinh phí Đảng	8.799	8.799	100,0
3	Đoàn thể và các Hội	5.609	5.609	100,0
IV	Chi khác ngân sách	3.424	3.424	100,0
1	Chi An ninh	351	351	100,0
2	Chi Quốc phòng	2.791	2.791	100,0
3	Chi khác	282	282	100,0
V	Khen thưởng các ngành	1.361	1.361	100,0
VI	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	6.669		-
C	CHI DỰ PHÒNG	9.714	9.714	100,0

2.2. Chi ngân sách cấp xã

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI DỰ TOÁN
	TỔNG CHI (I+II+III+IV)	131.457	213.722	162,6
I	CHI ĐẦU TƯ XDCB	42.000	117.392	279,5
II	CHI THƯỜNG XUYỀN	54.328	61.201	112,7
1	Sự nghiệp kinh tế	1.449	1.948	134,5
	- Sự nghiệp giao thông	429	518	120,8
	- Sự nghiệp nông, lâm - thủy lợi	467	877	187,9
	- Sự nghiệp thị chính - Môi trường	553	553	100,0

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI DỰ TOÁN
2	Sự nghiệp giáo dục	351	351	100,0
3	Sự nghiệp VH-TT-TDTT	1.139	1.139	100,0
4	Sự nghiệp y tế	351	2.705	771,5
5	Sự nghiệp truyền thanh	511	511	99,9
6	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	664	2.299	346,1
7	Chi quản lý hành chính	49.142	50.863	103,5
	- Quản lý nhà nước	35.038	36.327	103,7
	- Kinh phí Đảng	6.204	6.405	103,2
	- Đoàn thể và các Hội	7.900	8.131	102,9
8	Hỗ trợ an ninh	680	680	100,0
9	Quốc phòng địa phương	563	563	100,0
10	Chi khác	142	142	100,0
III	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	1.979	1.979	100,0
IV	BỔ SUNG MỤC TIÊU NSTW	33.150	33.150	100,0

3. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công ngân sách huyện năm 2022

Tại kỳ họp thứ 5 của HĐND huyện khóa XX, UBND huyện đã trình HĐND huyện thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022, vốn ngân sách huyện (lần 1), cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2022, số tiền 9.723.000.000 đồng, đối với dự án xây dựng một số HMPT Trường THCS Nguyễn Lương Bằng tại vị trí mới: 5.000.000.000 đồng. Điều chỉnh giảm nguồn dự phòng và hỗ trợ khác trong kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách huyện: 4.723.000.000 đồng.

- Bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 đối với 05 dự án, số tiền 9.723.000.000 đồng, gồm: Dự án cải tạo, nâng cấp công chào phía Đông huyện: 500.000.000 đồng; Dự án cải tạo, nâng cấp công chào phía Bắc huyện: 500.000.000 đồng; Dự án xây dựng Nhà đa năng trường THCS Nguyễn Lương Bằng, huyện Thanh Miện: 1.973.000.000 đồng; Dự án xây dựng Khu hành chính tập trung huyện, Hạng mục: Đường giao thông và hệ thống thoát nước (giai đoạn 1): 1.500.000.000 đồng; Dự án Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ trụ sở UBND huyện đến Cầu Neo cũ) và cải tạo vỉa hè đường Tuệ Tĩnh, thị trấn Thanh Miện (đoạn từ trụ sở UBND huyện đến công chào phía Đông): 5.250.000.000 đồng.

Tại kỳ họp thứ 8 của HĐND huyện khóa XX, UBND huyện đã trình HĐND huyện thông qua Nghị quyết phân bổ vốn bố trí cho các dự án quy hoạch, đo đạc, lập kế hoạch sử dụng đất, quản lý đất đai và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022, vốn ngân sách huyện (lần 2), cụ thể như sau:

- Phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 đã bố trí cho các dự án quy hoạch, đo đạc, lập kế hoạch sử dụng đất, quản lý đất đai, để hỗ trợ cho các xã lập quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030, tổng số tiền 5.614.000.000 đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2022, số tiền 14.131.000.000 đồng, gồm: Điều chỉnh giảm vốn của các dự án Quy hoạch, do đặc, quản lý đất đai của huyện, số tiền 8.891.000.000 đồng; điều chỉnh giảm vốn bố trí cho công tác chuẩn bị đầu tư các dự án của huyện, số tiền 2.000.000.000 đồng; điều chỉnh giảm vốn hỗ trợ theo chương trình của huyện, số tiền 3.240.000.000 đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn năm 2022 cho các dự án, công trình của huyện còn thiếu vốn, tổng số tiền 11.131.000.000 đồng, gồm: Dự án xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh 392B (đoạn từ Km3+944 đến Km12+500); đường tỉnh 399 (đoạn từ Km1+518 đến Km2+401) và Quốc lộ 38B (đoạn từ Km13+000 đến Km13+800): 560.751.000 đồng; Dự án cải tạo chỉnh trang khu vực Cầu Neo cũ: 135.249.000 đồng; Dự án cải tạo, nâng cấp đường huyện Bình Xuyên - Ngô Quyền - Tân Trào: 10.435.000.000 đồng. Hỗ trợ UBND xã Lê Hồng kinh phí bồi thường GPMB, thanh toán giá trị xây lắp công trình: HTKT diêm dân cư mới thôn Chi Trung, thôn Phú Thanh Xá, xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện: 3.000.000.000 đồng.

4. Phân bổ nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2022

- Nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2022 bố trí là 9.714.000.000 đồng;
- Tổng nguồn kinh phí dự phòng đã phân bổ cho công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ đột xuất phát sinh năm 2022 là 9.714.000.000 đồng, bằng 100% dự toán được giao.

5. ĐÁNH GIÁ CHUNG

5.1. Về nhiệm vụ thu ngân sách

Năm 2022, mặc dù dịch bệnh Covid-19 đã cơ bản được kiểm soát, tuy nhiên những tác động sau dịch bệnh và tình hình bất ổn về chính trị trên thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết hợp với việc thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị định số 15/2022/ND-CP của Chính phủ để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh đã khiến một số chỉ tiêu thu giảm mạnh so với năm 2021. Song, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự điều hành tập trung, quyết liệt của chính quyền và nhất là sự nỗ lực cố gắng của các ngành, các địa phương, kết quả thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 vẫn đảm bảo đạt và vượt so với kế hoạch được giao.

- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2022 ước đạt 139% kế hoạch, bằng 76,2% so với năm 2021; trong đó, một số chỉ tiêu thu chủ yếu như: thu ngoài quốc doanh đạt 207,8% kế hoạch, bằng 83,9% so với năm 2021; thu lệ phí trước bạ đạt 141,5% kế hoạch, bằng 99,8% so với năm 2021; thu Thuế thu nhập cá nhân đạt 180,9% kế hoạch, bằng 104,1% so với năm 2021; thu tiền sử dụng đất đạt 134% kế hoạch, bằng 71,4% so với năm 2021; thu khác ngân sách đạt 109,4% kế hoạch, bằng 132,1% so với năm 2021; thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản đạt 301,4% kế hoạch, bằng 83,5% so với năm 2021.

- Tổng thu ngân sách xã ước đạt 177,6% so với kế hoạch giao; trong đó các khoản thu để cân đối chi thường xuyên đạt 199,9%, thu tiền sử dụng đất đạt 173% so với kế hoạch giao.

5.2. Về nhiệm vụ chi ngân sách

Chỉ đạo tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, tích cực tháo gỡ vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng, thủ tục đấu thầu, chủ động điều chỉnh nguồn vốn của các dự án, công trình không có khả năng giải ngân sang các dự án, công trình đủ điều kiện giải ngân nguồn vốn.

a) Chi ngân sách huyện

Tổng chi ngân sách huyện năm 2022 ước thực hiện bằng 105% so với dự toán giao đầu năm; trong đó: Chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng 108,8% dự toán; chi thường xuyên bằng 103% dự toán; chi dự phòng bằng 100% so với dự toán.

- Chi đầu tư XD CB ngân sách huyện tăng 8,8% dự toán giao đầu năm là do nguồn vốn chi từ nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư 5 tỷ 975 triệu đồng, nguồn vốn chuyển nguồn năm 2021 sang là 48 tỷ 989 triệu đồng.

- Chi thường xuyên ngân sách huyện tăng 3% dự toán là do ngoài các khoản chi được giao đầu năm, trong năm ngân sách tỉnh bổ sung trợ cấp kinh phí cho các đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ kinh phí chúc thọ người cao tuổi, số tiền 12 tỷ 255 triệu đồng; bổ sung chi hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định 08/2022/QĐ-TTg, số tiền 179 triệu đồng.

b) Chi ngân sách cấp xã

Tổng chi ngân sách xã năm 2022 ước thực hiện bằng 162,6% so với dự toán giao đầu năm; trong đó: Chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng 279,5% dự toán; chi thường xuyên bằng 112,7% dự toán; chi dự phòng bằng 100% so với dự toán giao.

- Chi đầu tư XD CB ngân sách xã ước bằng 279,5% so với dự toán năm là do: ngoài chi từ nguồn tiền đất theo kế hoạch vốn giao đầu năm và nguồn chuyển nguồn năm 2021 sang; trong năm các xã, thị trấn còn chi từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ 04 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng các tiêu chí và đảm bảo bền vững, số tiền 8 tỷ đồng; ngân sách huyện hỗ trợ cho các công trình xây dựng của các xã, thị trấn là trên 72 tỷ 914 triệu đồng (nguồn ngân sách huyện hỗ trợ các xã để GPMB, xây dựng HTKT các điểm dân cư mới 25 tỷ 60 triệu đồng; hỗ trợ các xã, thị trấn thanh toán, trả nợ xây dựng các công trình: 47 tỷ 314 triệu đồng).

- Chi thường xuyên ngân sách xã tăng 12,7% so với dự toán là do ngoài chi từ dự toán kinh phí được giao; trong năm các xã, thị trấn được ngân sách tỉnh bổ sung kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó dân phòng tại các thôn, khu dân cư trên địa bàn huyện năm 2022 theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương, số tiền 481,8 triệu đồng, chi trả trợ cấp một lần cho công an viên xã nghỉ việc theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ, số tiền 43 triệu đồng; ngân sách huyện bổ sung kinh phí UBND các xã, thị trấn phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, số tiền 1 tỷ 408 triệu đồng, hỗ trợ tiền ăn và hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện cách ly y tế phòng, chống dịch Covid-19, số tiền 304 triệu đồng, kinh phí bầu trưởng thôn, khu dân cư 93 triệu đồng và một số nhiệm vụ khác.v.v.

II-DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH HAI CẤP NĂM 2023

1. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Tổng thu NSNN năm 2023 tính giao 315 tỷ 260 triệu đồng, tăng 1,4% so với năm 2022. Dự toán thu NSNN năm 2023 huyện xây dựng 315 tỷ 260 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán tính giao. Số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ KIẾN DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2023	DỰ KIẾN DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2023	GHI CHÚ
	TỔNG THU	315.260.000	315.260.000	
	TỔNG THU NSNN TRỪ TIỀN ĐẤT	65.210.000	65.210.000	
1	Khu vực Doanh nghiệp nhà nước	500.000	500.000	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	450.000	450.000	
	- Thuế GTGT	50.000	50.000	
2	Thu ngoài quốc doanh	22.000.000	22.000.000	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.300.000	2.300.000	
	- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)	19.700.000	19.700.000	
	+ Chi cục Thuế thu	15.900.000	15.900.000	
	+ Thị trấn thực hiện	900.000	900.000	
	+ Các xã thực hiện	2.900.000	2.900.000	
3	Lệ phí trước bạ	20.500.000	20.500.000	
	- Trước bạ nhà đất	1.200.000	1.200.000	
	- Trước bạ tài sản	19.300.000	19.300.000	
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	960.000	960.000	
	- Chi cục Thuế thu	40.000	40.000	
	- Các xã, thị trấn thực hiện	920.000	920.000	
5	Thu phí và Lệ phí	2.200.000	2.200.000	
	- Phí, Lệ phí thông thường	1.380.000	1.380.000	
	+ Trung ương	270.000	270.000	
	+ Huyện	460.000	460.000	
	+ Xã	650.000	650.000	
	- Lệ phí môn bài	820.000	820.000	
	+ Chi cục Thuế thu	470.000	470.000	
	+ Các xã, thị trấn thực hiện	350.000	350.000	
6	Thuế Thu nhập cá nhân	6.350.000	6.350.000	
	- Chi cục Thuế thu	4.350.000	4.350.000	
	- Thị trấn thực hiện	500.000	500.000	
	- Các xã thực hiện	1.500.000	1.500.000	

TT	CHỈ TIÊU	DỰ KIẾN DƯ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2023	DỰ KIẾN DƯ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2023	GHI CHÚ
7	Thu tiền sử dụng đất	250.000.000	250.000.000	
	- Thu tiền đất dự án	50.000.000	50.000.000	
	- Thu tiền đấu giá QSD đất	200.000.000	200.000.000	
8	Thu tiền thuê đất	800.000	800.000	
9	Thu khác NS (phạt, tịch thu, khác)	10.000.000	10.000.000	
	- Chi cục Thuế thu	8.950.000	8.950.000	
	- Xã, Thị trấn thực hiện	1.050.000	1.050.000	
10	Thuế BVMT	50.000	50.000	
11	Thu tại xã (HLCS; quỹ đất công)	1.900.000	1.900.000	

2. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

Tổng chi ngân sách huyện năm 2023 tỉnh giao là 541 tỷ 948 triệu đồng, bằng 100,9% so với số giao năm 2022 (trong đó: Chi đầu tư XDGB giảm 14,6%; chi thường xuyên tăng 9%; chi dự phòng tăng 11,6%). UBND huyện phân bổ, giao bằng 100% số tỉnh giao. Số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU CHI	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2023	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2023	TỶ LỆ % SO VỚI KẾ HOẠCH
	TỔNG CỘNG	541.948.000	541.948.000	100
A	CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	158.890.000	158.890.000	100
I	Từ nguồn vốn KH đầu tư công năm 2023	158.890.000	158.890.000	100
1	Nguồn vốn XDGB tập trung	18.890.000	18.890.000	100
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	140.000.000	140.000.000	100
B	CHI THƯỜNG XUYỀN	372.219.000	372.219.000	100
I	Sự nghiệp kiến thiết Kinh tế	20.725.000	20.725.000	100
1	Sự nghiệp Giao thông	2.080.000	2.080.000	100
2	Sự nghiệp Nông nghiệp và PCLB	6.513.000	6.513.000	100
3	SN Kinh tế, Kiến thiết thị chính, Môi trường	2.132.000	2.132.000	100
4	Hỗ trợ phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, đô thị xanh, thông minh, hiện đại	10.000.000	10.000.000	100
II	Sự nghiệp Văn - Xã			100

TT	CHỈ TIÊU CHI	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2023	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2023	TỶ LỆ % SO VỚI KẾ HOẠCH
		304.754.000	304.754.000	
1	Sự nghiệp Giáo dục	243.301.000	243.301.000	100
2	Sự nghiệp Đào tạo	2.148.000	2.148.000	100
3	Sự nghiệp văn hóa, TDTT	2.169.000	2.169.000	100
4	Sự nghiệp phát thanh	1.402.000	1.402.000	100
5	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	55.382.000	55.382.000	100
6	Sự nghiệp y tế	352.000	352.000	100
III	Chi quản lý hành chính	31.493.000	31.493.000	100
1	Quản lý Nhà nước và HĐND	16.600.000	16.600.000	100
2	Kinh phí Đảng	9.168.000	9.168.000	100
3	Đoàn thể và các Hội	5.725.000	5.725.000	100
IV	Chi khác ngân sách	7.072.000	7.072.000	100
1	Chi An ninh	2.352.000	2.352.000	100
2	Chi Quốc phòng	4.438.000	4.438.000	100
3	Chi khác	282.000	282.000	100
V	Khen thưởng các ngành	1.360.000	1.360.000	100
VI	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	6.815.000	6.815.000	100
C	CHI DỰ PHÒNG	10.839.000	10.839.000	100

3. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Tổng thu ngân sách cấp xã năm 2023 tỉnh giao 116 tỷ 753 triệu đồng, bằng 88,4% so với năm 2022. Dự toán thu ngân sách cấp xã năm 2023 huyện giao 116 tỷ 753 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán tỉnh giao. Số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2023	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2023	GHI CHÚ
	TỔNG THU NS XÃ	116.753.000	116.753.000	
I	CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI CHI TX	10.290.000	10.290.000	
1	Các khoản do xã, thị trấn thu tại xã	1.900.000	1.900.000	

2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	8.390.000	8.390.000	
II	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	30.000.000	30.000.000	
1	Thu DG quyền sử dụng đất (xã, TT 15%)	30.000.000	30.000.000	
III	BỔ SUNG CHI THƯỜNG XUYÊN	76.463.000	76.463.000	
1	Bổ sung cân đối ngân sách	76.463.000	76.463.000	

4. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Tổng chi ngân sách xã năm 2023 tính giao 116 tỷ 753 triệu đồng, bằng 88,4% so với năm 2022 (trong đó: Chi đầu tư XD CB giảm 28,6%; chi thường xuyên giảm 4,2%; chi dự phòng tăng 18%). Dự toán chi ngân sách cấp xã năm 2023 huyện giao bằng 100% số tính giao. Số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2023	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2023	GHI CHÚ
	TỔNG CHI (I+II+III+IV)	116.753.000	116.753.000	
I	CHI ĐẦU TƯ XD CB TỪ TIỀN ĐẤT	30.000.000	30.000.000	
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	84.418.000	84.418.000	
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi TX</i>	<i>1.114.000</i>	<i>1.114.000</i>	
1	Sự nghiệp kinh tế	1.472.000	1.472.000	
	- Sự nghiệp giao thông	429.000	429.000	
	- Sự nghiệp nông lâm- thủy lợi	488.000	488.000	
	- Sự nghiệp thị chính- Môi trường	555.000	555.000	
2	Sự nghiệp giáo dục	353.000	353.000	
3	Sự nghiệp VH TT-TDTT	1.143.000	1.143.000	
4	Sự nghiệp y tế	353.000	353.000	
5	Sự nghiệp truyền thanh	513.000	513.000	
6	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	6.224.000	6.224.000	
7	Chi quản lý hành chính	68.776.000	68.776.000	
a	<i>Quản lý nhà nước</i>	<i>52.014.000</i>	<i>52.014.000</i>	
b	<i>Kinh phí Đảng</i>	<i>8.702.000</i>	<i>8.702.000</i>	
c	<i>Đoàn thể, các Hội</i>	<i>8.060.000</i>	<i>8.060.000</i>	
8	Hỗ trợ an ninh	1.836.000	1.836.000	
9	Quốc phòng địa phương	3.606.000	3.606.000	
10	Chi khác	142.000	142.000	
III	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	2.335.000	2.335.000	

III-MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

Năm 2023 là năm thứ hai của thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước giai đoạn 2022-2025. Trong bối cảnh dự báo tình hình kinh tế tiếp tục phải đối mặt với khó

khăn, thách thức do diễn biến phức tạp của dịch bệnh và áp lực lạm phát..., vì vậy kết quả thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. Trước yêu cầu đó, công tác chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ thu, chi ngân sách hai cấp năm 2023 sẽ tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Về nhiệm vụ thu ngân sách

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để doanh nghiệp, hộ kinh doanh phục hồi hoạt động và phát triển ổn định; trọng tâm là: tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hiện đại hóa công tác quản lý thu, tạo điều kiện thuận lợi trong mọi giao dịch về nộp thuế. Tăng cường công tác tư vấn, hướng dẫn, phối hợp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc khi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đề xuất.

- Chủ động rà soát, quản lý chặt chẽ tổng thể các nguồn thu trên địa bàn, bảo đảm công bằng, chính xác theo đúng quy định của pháp luật về thuế. Thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách. Tiếp tục công khai, minh bạch số thu, mức thu của từng tổ chức, cá nhân, để doanh nghiệp, hộ kinh doanh và nhân dân theo dõi, giám sát.

- Thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ đọng về thuế để chống thất thu thuế. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo đúng quy định đối với các trường hợp gian lận thuế, trốn thuế, kê khai không đúng, không đủ số thuế phải nộp và các hành vi chuyển giá. Tiếp tục công bố số liệu nợ đọng thuế của các doanh nghiệp, hộ cá nhân kinh doanh trên Cổng thông tin điện tử và Đài phát thanh huyện.

- Khẩn trương triển khai thực hiện các dự án có thu tiền sử dụng đất tại các xã, thị trấn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác GPMB, thu hồi đất, đấu giá quyền sử dụng đất và công tác xử lý đất chuyển mục đích để hoàn thành chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về Thuế, Phí và Lệ phí, để nâng cao nghĩa vụ, trách nhiệm của người nộp thuế với nhà nước.

2. Về nhiệm vụ chi ngân sách

- Năm 2023 là năm thứ hai của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025, ngay sau khi dự toán chi ngân sách được giao, các địa phương, đơn vị rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ ưu tiên chi đúng, chi đủ theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai trong năm 2023 để hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

- Chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý và điều hành ngân sách, sẵn sàng cắt giảm, điều chuyển các nhiệm vụ chi chưa cần thiết trong trường hợp hụt thu ngân sách. Đảm bảo đủ nguồn kinh phí dự phòng để chi phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp đột xuất phát sinh.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công. Tuân thủ chặt chẽ,

nghiêm túc quy định về bố trí kế hoạch nguồn vốn theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai, thực hiện các dự án, công trình trọng điểm, các công trình phục vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao. Kịp thời giải ngân, thanh toán vốn cho giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành trong năm, không được chuyển nguồn vốn sang năm sau và không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản.

- Năm 2023 tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương ở các cấp ngân sách, gồm 10% từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương); 40% từ nguồn thu được để lại đơn vị và 70% từ nguồn tăng thu thường xuyên, nguồn kết dư ngân sách (không bao gồm tăng thu tiền sử dụng đất). Vì vậy, các cơ quan, đơn vị và các địa phương phải thực hiện tiết kiệm ngay từ khâu lập dự toán. Việc phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ chi phải đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định. Bố trí đầy đủ kinh phí chi cho con người, chi thực hiện các chế độ, chính sách, đảm bảo an sinh xã hội. Triệt để tiết kiệm kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, công tác phí, lễ hội...

- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra về quản lý, sử dụng tài sản, nguồn vốn, ngân sách tại các cơ quan, đơn vị và các địa phương. Phát huy tốt vai trò, trách nhiệm giám sát của nhân dân. Thực hiện công bố công khai số liệu dự toán, quyết toán ngân sách được giao theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo công khai kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách hai cấp năm 2022 và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023. /.

Nơi nhận:

- TT. HĐND huyện
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Công TTĐT huyện Thanh Miện (đăng công khai);
- Lưu: TC.

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Hồng Thiệp

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	541.948
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	168.775
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	50.930
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	117.845
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	373.173
-	Thu bổ sung cân đối	373.173
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
V	Các khoản giao thu tại đơn vị	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	541.948
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	541.948
1	Chi đầu tư phát triển	158.890
2	Chi thường xuyên	372.219
3	Dự phòng ngân sách	10.839
4	Chi bổ sung từ ngân sách trung ương	
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Các khoản chi khác	
III	Chi các chương trình mục tiêu	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau	



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	
		Thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	315.260.000	168.775.000
1	Khu vực Doanh nghiệp nhà nước	500.000	200.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	450.000	180.000
	- Thuế GTGT	50.000	20.000
2	Thu ngoài quốc doanh	22.000.000	9.514.000
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.300.000	1.720.000
	- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)	19.700.000	7.794.000
3	Lệ phí trước bạ	20.500.000	13.510.000
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	960.000	24.000
5	Thu phí và Lệ phí	2.200.000	930.000
6	Thuế Thu nhập cá nhân	6.350.000	2.685.000
7	Thu tiền sử dụng đất	250.000.000	140.000.000
	- Thu tiền đất dự án	50.000.000	50.000.000
	- Thu tiền đấu giá QSD đất	200.000.000	90.000.000
8	Thu tiền thuê đất	800.000	863.000
9	Thu khác NS (phạt, tịch thu, khác)	10.000.000	1.000.000
10	Thuế BVMT	50.000	49.000
11	Thu tại xã (HLCS; quỹ đất công)	1.900.000	

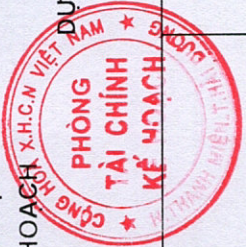
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân quyết định)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU CHI	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2023
	TỔNG CỘNG	541.948.000
A	CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	158.890.000
I	Từ nguồn vốn KH đầu tư công năm 2023	158.890.000
1	Nguồn vốn XD CB tập trung	18.890.000
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	140.000.000
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	372.219.000
I	Sự nghiệp kiến thiết Kinh tế	20.725.000
1	Sự nghiệp Giao thông	2.080.000
2	Sự nghiệp Nông nghiệp và PCLB	6.513.000
3	SN Kinh tế, Kiến thiết thị chính, Môi trường	2.132.000
4	Hỗ trợ phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, đô thị xanh, thông minh, hiện đại	10.000.000
II	Sự nghiệp Văn - Xã	304.754.000
1	Sự nghiệp Giáo dục	243.301.000
2	Sự nghiệp Đào tạo	2.148.000
3	Sự nghiệp văn hóa, TDTT	2.169.000
4	Sự nghiệp phát thanh	1.402.000
5	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	55.382.000
6	Sự nghiệp y tế	352.000
III	Chi quản lý hành chính	31.493.000
1	Quản lý Nhà nước và HĐND	16.600.000
2	Kinh phí Đảng	9.168.000
3	Đoàn thể và các Hội	5.725.000
IV	Chi khác ngân sách	7.072.000
1	Chi An ninh	2.352.000
2	Chi Quốc phòng	4.438.000
3	Chi khác	282.000
V	Khen thưởng các ngành	1.360.000
VI	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	6.815.000
C	CHI DỰ PHÒNG	10.839.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)



STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KRR CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	383.058.000	-	383.058.000	-	-	-	-	-	-
A	CHI THƯỜNG XUYỀN	364.044.000		364.044.000						
I	SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT KINH TẾ	20.725.000		20.725.000						
1	Sự nghiệp giao thông	2.080.000		2.080.000						
1.1	Hạt đường bộ	1.880.000		1.880.000						
1.2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	200.000		200.000						
2	Sự nghiệp Nông nghiệp, PCLB	6.513.000		6.513.000						
2.1	Phòng Nông nghiệp và PTNT	190.000		190.000						
2.2	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	1.667.000		1.667.000						
2.3	Ban chỉ đạo Nông thôn mới huyện	50.000		50.000						
2.4	Ban chỉ đạo diệt chuột	13.000		13.000						
2.5	Kinh phí thực hiện ND 35/2015/NĐ-CP	2.810.000		2.810.000						
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình mở rộng giống lúa mới, chất lượng ST25	476.000		476.000						
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình giống mới Nếp Hương chất lượng, hiệu quả	190.000		190.000						
-	Hỗ trợ giống cây trồng vụ Đông; xây dựng nhà màng, nhà lưới	744.000		744.000						
-	Hỗ trợ làm thủy lợi Đông Xuân 2022-2023	196.000		196.000						

CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG								
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KRR CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
							CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
A	B	1	2	3	4	5	6	7
-	Cải tạo, nâng cấp cống Đổ thôn Đông, xã Thanh Tùng	425.000		425.000				
-	Cải tạo, nâng cấp cống Cầu miếu, thôn Vũ Xá, xã Ngõ Quyền	240.000		240.000				
-	Xử lý bùn đáy cầu, mặt cầu, xây kè chắn đất mang cầu trên kênh Đại Phú giang tại vị trí K2+020, xã Từ Cường	539.000		539.000				
2.6	Sự nghiệp PCLB	190.000		190.000				
2.7	Ban quản lý công trình	1.120.000		1.120.000				
2.8	Kinh phí Đề án cấy máy	321.000		321.000				
2.9	Thủy lợi phí giá DV công ích thủy lợi phí phần diện tích tưới, tiêu ngoài lưu vực do địa phương thực hiện	152.000		152.000				
3	Sự nghiệp kinh tế, KTTG, MT	12.132.000		12.132.000				
3.1	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	1.088.500		1.088.500				
-	Hạt đường bộ	400.000		400.000				
-	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	524.500		524.500				
-	Các đơn vị, UBND các xã	164.000		164.000				
3.2	Sự nghiệp môi trường	257.500		257.500				
-	Phòng Tài nguyên và Môi trường	50.000		50.000				
-	Hỗ trợ thu gom rác các xã	207.500		207.500				
3.3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	700.000		700.000				
3.4	Chi phí quy hoạch, đo đạc	86.000		86.000				
3.5	Hỗ trợ phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, đô thị xanh, thông minh, hiện đại	10.000.000		10.000.000				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYẾN (KHÔNG KRR CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYẾN	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
II	SỰ NGHIỆP VĂN - XÃ	304.754.000		304.754.000						
1	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	245.449.000		245.449.000						
-	Trung tâm Chính trị	1.848.227		1.848.227						
-	Phòng Tư pháp	36.000		36.000						
-	Kinh phí thực hiện TT 36/2018/TT-BTC	263.773		263.773						
-	Sự nghiệp giáo dục	243.301.000		243.301.000						
2	Sự nghiệp văn hóa thông tin, TDTT	2.169.000		2.169.000						
2.1	Sự nghiệp văn hóa	1.088.584		1.088.584						
-	Trung tâm văn hóa thể thao	843.584		843.584						
-	Phòng Văn hóa - Thông tin	145.000		145.000						
-	Ban chỉ huy quân sự huyện	100.000		100.000						
2.2	Sự nghiệp thể thao	1.080.416		1.080.416						
3	Sự nghiệp phát thanh	1.402.000		1.402.000						
-	Đài phát thanh	1.269.000		1.269.000						
-	Hỗ trợ trang thiết bị đài truyền thanh cho xã, thị trấn	133.000		133.000						
4	Đảm bảo xã hội	55.382.000		55.382.000						
*	Phòng Lao động, TB và xã hội	53.904.000		53.904.000						
*	Tiền điện hộ nghèo, hộ BTXH	1.478.000		1.478.000						
5	Sự nghiệp Y tế	352.000		352.000						
III	CHI QUẢN LÝ HC-	31.493.000		31.493.000						
1	Hội đồng nhân dân	953.564		953.564						
2	Quản lý nhà nước	15.646.436		15.646.436						
2.1	Văn phòng HĐND và UBND huyện	4.271.915		4.271.915						
2.2	Phòng Nội vụ	755.102		755.102						
2.3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.112.060		1.112.060						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYẾN (KHÔNG KRR CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYẾN	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
2.4	Phòng Tài nguyên và Môi trường	894.010		894.010						
2.5	Phòng Nông nghiệp và PTNT	685.767		685.767						
2.6	Thanh tra huyện	653.902		653.902						
2.7	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.032.813		1.032.813						
2.8	Phòng Văn hóa - Thông tin	771.087		771.087						
2.9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.264.804		1.264.804						
2.10	Phòng Lao động, TB và xã hội	773.233		773.233						
2.11	Phòng Tư pháp	679.103		679.103						
2.12	Phòng Y tế	374.887		374.887						
2.13	Hỗ trợ CSVC cơ quan, đơn vị và các xã, TT	900.000		900.000						
2.14	Công tác số hóa Đề án 06 cấp huyện	200.000		200.000						
2.15	SC, thay thế trang thiết bị nhà 1 cửa của huyện và các xã, TT	900.000		900.000						
2.16	Chi các nội dung khác	377.753		377.753						
3	Kinh phí Đảng	9.168.000		9.168.000						
4	Đoàn thể và các Hội	5.725.000		5.725.000						
4.1	Đoàn thể	3.657.676		3.657.676						
-	Mặt trận Tổ quốc	958.300		958.300						
-	Hội Phụ nữ	689.880		689.880						
-	Đoàn Thanh niên	696.138		696.138						
-	Hội Nông dân	943.510		943.510						
-	Hội Cựu chiến binh	369.848		369.848						
4.2	Các hội khác	2.067.324		2.067.324						
-	Hội Chữ thập đỏ	333.875		333.875						
-	Hội Người mù	402.891		402.891						
-	Hội Khuyết học	121.520		121.520						
-	Hội Cựu thanh niên xung phong	121.520		121.520						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYẾN (KHÔNG KRR CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYẾN	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Hội Người cao tuổi	85.756		85.756						
-	Hội nạn nhân chất độc da cam	121.520		121.520						
-	Hội Đồng y	15.000		15.000						
-	Hội Luật gia	40.000		40.000						
-	Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ	90.000		90.000						
-	Ban chỉ đạo hoạt động Tôn giáo	30.000		30.000						
-	BCĐ quy chế dân chủ	30.000		30.000						
-	Kinh phí thực hiện QĐ 99-TW	175.000		175.000						
-	Kinh phí thực hiện QĐ 99-TW	95.000		95.000						
-	Ban bảo vệ sức khỏe nhân dân	70.000		70.000						
-	Chi các nội dung khác	335.242		335.242						
IV	CHI KHÁC NS	7.072.000		7.072.000						
1	Công an huyện	2.352.000		2.352.000						
2	Ban chỉ huy quân sự huyện	4.438.000		4.438.000						
3	Chi khác	282.000		282.000						
-	Chi cục thi hành án dân sự	40.000		40.000						
-	Công an huyện	242.000		242.000						
B	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	10.839.000		10.839.000						
C	TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYẾN	6.815.000		6.815.000						
D	KHEN THƯỜNG CÁC NGÀNH	1.360.000		1.360.000						
E	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	0		0						